

Bản tin Phân tích kỹ thuật

02/06/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 đóng cửa với tín hiệu giảm, không ghi nhận trạng thái hồi phục quanh vùng giá thấp. Dự báo vùng 1.960 điểm là mục tiêu tiếp theo. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh 1.975 điểm, mục tiêu tại vùng 1.960 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.980 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.975 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.960 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.980 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

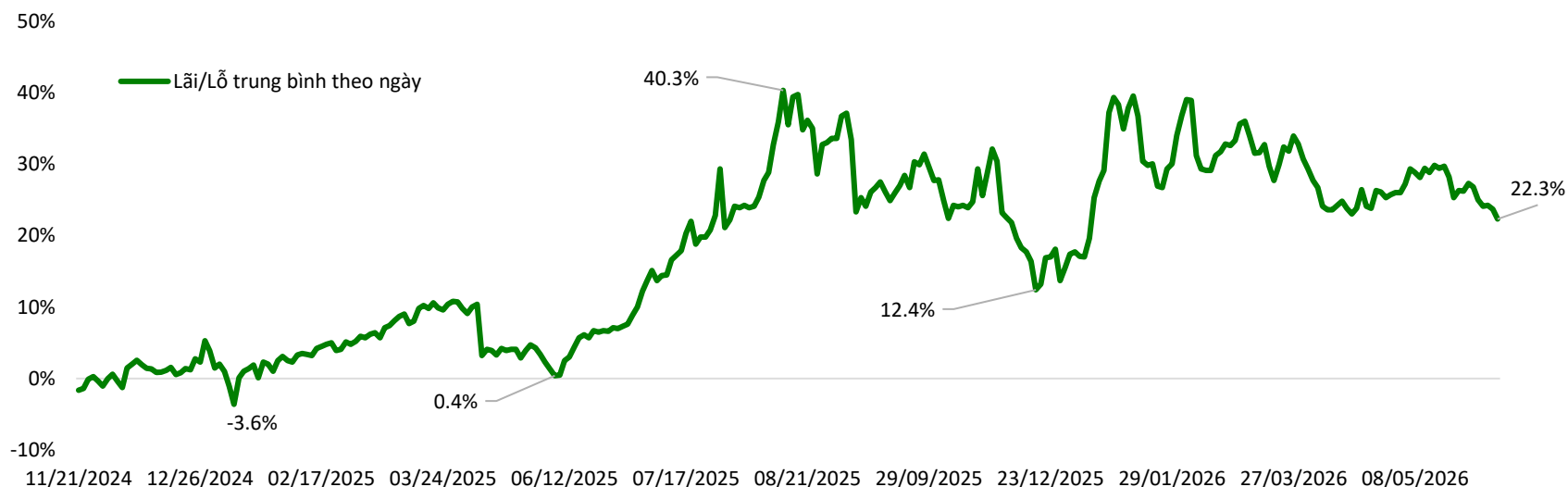


Nguồn: Vietcap

- VN-Index giảm kèm thanh khoản gia tăng, với 226 mã điều chỉnh áp đảo trên HOSE, cho thấy áp lực bán đã lan rộng trên phần lớn nhóm ngành. Lực bán gia tăng rõ so với các phiên trước tại Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, Tiêu dùng, Dầu khí và Vật liệu. Ngược lại, nhóm Bán lẻ vẫn chưa chịu áp lực cung mạnh, trong khi Công nghệ là điểm sáng hiếm hoi nhờ lực cầu nổi bật.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vi phạm vùng hỗ trợ 1.840 điểm đi kèm áp lực bán diện rộng, cho thấy nhịp điều chỉnh đang mở rộng cả về biên độ lẫn cường độ. Trong phiên 03/06, vùng 1.800–1.810 điểm sẽ là mục tiêu hỗ trợ tiếp theo.
- Đánh giá rủi ro, tần suất rung lắc và biến động mạnh nhiều khả năng sẽ gia tăng trong các phiên tới. Với trạng thái bán lan rộng và tín hiệu kỹ thuật suy yếu trên phần lớn cổ phiếu HOSE, quá trình tạo đáy nếu xuất hiện sẽ cần thêm thời gian xác nhận. Khuyến nghị tạm ngưng mở mới và chỉ duy trì tỷ trọng thăm dò đối với các vị thế ngắn hạn có sẵn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,000	47,500	-1.1%	46,000	53,600		
VPL	07/05/2026	02/06/2026	Chốt lãi	90,000	88,000	2.3%	88,000	105,000	90,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CTG	33,850	-2.03%	-3.97%	262,911	-1.172	4,906	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	61,600	-0.96%	-4.35%	514,710	-1.092	4,301	2.2	14.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VHM	150,800	-0.79%	-1.95%	619,398	-1.076	15,766	2.4	9.6	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
GAS	82,200	-2.38%	-0.36%	198,344	-1.037	4,808	2.9	17.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
BSR	27,700	-3.15%	-2.81%	138,702	-0.960	2,612	2.0	10.6	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
HDB	24,900	-3.30%	-6.04%	124,631	-0.905	3,546	1.6	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,450	-1.86%	-4.17%	209,852	-0.857	3,314	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBB	24,650	-1.79%	-3.33%	198,556	-0.783	3,442	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,800	2.61%	1.79%	127,422	0.731	5,691	3.3	13.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	40,300	-2.89%	-7.04%	111,788	-0.711	2,202	2.5	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	31,900	-1.39%	-3.04%	226,051	-0.692	3,677	1.3	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HPG	23,700	-1.46%	-2.27%	200,099	-0.641	2,499	1.4	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	50,900	-1.74%	-5.91%	152,053	-0.581	3,738	3.1	13.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
NVL	14,200	-6.89%	-8.68%	31,730	-0.481	1,512	0.7	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	101,500	-3.33%	-5.84%	65,011	-0.477	5,285	8.5	19.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	113,400	9.99%	33.41%	102,036	7.090	14,074	5.9	8.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	147,800	9.97%	60.83%	56,903	3.946	271	12.8	545.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCG	72,000	9.92%	8.11%	6,120	0.422	4,155	3.6	17.3	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,600	-2.49%	-3.92%	19,618	-0.339	1,832	2.3	10.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	17,700	-2.75%	-3.80%	15,920	-0.304	1,463	1.3	12.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PVS	37,800	-2.07%	-1.82%	19,332	-0.279	3,781	1.3	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	16,000	-3.61%	-4.76%	9,079	-0.228	354	1.5	45.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	42,900	-1.61%	-2.50%	16,280	-0.182	4,899	2.4	8.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NVB	11,500	0.88%	-3.36%	22,133	0.135	43	1.6	265.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IPA	15,000	-4.46%	-5.66%	3,208	-0.099	2,549	0.7	5.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SSH	60,100	14.91%	14.91%	22,538	0.099	-348	3.9	-172.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	92,800	0.76%	-1.17%	282,746	0.064	3,657	6.4	25.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	61,100	1.83%	-0.81%	73,325	0.040	1,955	5.0	31.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
RGG	40,700	14.97%	3.04%	8,140	0.036	735	3.3	55.4	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCR	41,000	13.89%	-2.15%	8,610	0.035	-496	5.9	-82.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
ACV	43,400	-0.69%	-1.14%	155,856	-0.032	2,980	2.2	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	81,100	1.38%	-0.86%	59,518	0.024	4,791	5.1	16.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VGR	60,500	-14.79%	-14.79%	4,995	-0.022	6,136	5.0	9.9	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSR	38,700	-1.53%	-5.38%	42,846	-0.019	700	3.4	55.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TVN	10,700	-6.14%	-8.55%	7,394	-0.013	907	0.8	12.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

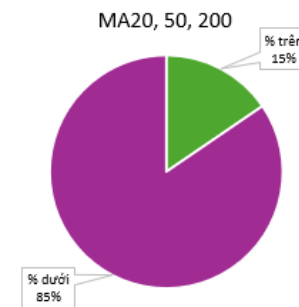
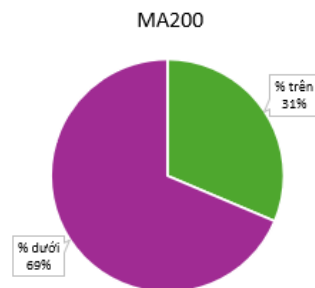
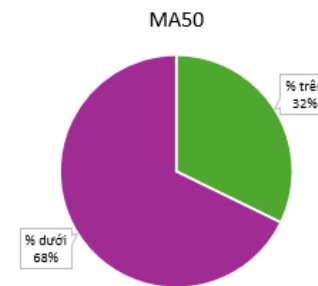
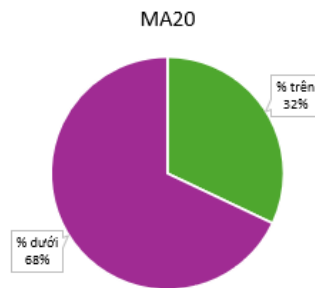
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	113,400	10.0%	57.7	11.0	62,700	103,100	5.9	8.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,800	1.3%	22.7	11.5	7,220	15,600	1.2	5.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	26,600	-2.7%	65.1	27.5	27,200	33,000	1.5	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,000	-1.7%	32.0	42.9	23,150	35,057	1.3	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,000	-0.2%	20.5	25.6	5,010	8,700	0.4	33.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,200	-2.8%	10.6	8.9	5,280	10,400	0.4	25.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	6,210	-3.4%	6.5	18.5	6,300	12,650	0.6	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HQC	2,740	6.6%	35.1	6.1	2,410	4,200	0.3	22.8	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	28,400	3.8%	25.0	8.3	27,000	41,773	2.0	16.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			02/06/2026	01/06/2026	29/05/2026	28/05/2026	27/05/2026	26/05/2026	25/05/2026	22/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	26%	26%	26%	25%	26%	25%	26%
		Dưới	77%	74%	74%	74%	75%	74%	75%	74%
	MA50	Trên	32%	34%	36%	34%	38%	37%	33%	32%
		Dưới	68%	66%	64%	66%	62%	63%	67%	68%
	MA20	Trên	27%	30%	29%	31%	36%	31%	26%	29%
		Dưới	73%	70%	71%	69%	64%	69%	74%	71%
VN30	MA200	Trên	37%	43%	47%	47%	43%	47%	43%	47%
		Dưới	63%	57%	53%	53%	57%	53%	57%	53%
	MA50	Trên	50%	53%	57%	57%	70%	70%	60%	50%
		Dưới	50%	47%	43%	43%	30%	30%	40%	50%
	MA20	Trên	13%	27%	30%	33%	47%	40%	30%	33%
		Dưới	87%	73%	70%	67%	53%	60%	70%	67%
HNX	MA200	Trên	34%	32%	31%	31%	32%	33%	33%	33%
		Dưới	66%	68%	69%	69%	68%	67%	67%	67%
	MA50	Trên	36%	32%	32%	32%	36%	37%	35%	36%
		Dưới	64%	68%	68%	68%	64%	63%	65%	64%
	MA20	Trên	34%	32%	31%	31%	32%	33%	33%	33%
		Dưới	66%	68%	69%	69%	68%	67%	67%	67%
UPCOM	MA200	Trên	32%	33%	33%	32%	32%	32%	31%	33%
		Dưới	68%	67%	67%	68%	68%	68%	69%	67%
	MA50	Trên	32%	32%	32%	31%	31%	32%	31%	31%
		Dưới	68%	68%	68%	69%	69%	68%	69%	69%
	MA20	Trên	34%	34%	34%	34%	34%	35%	35%	34%
		Dưới	66%	66%	66%	66%	66%	65%	65%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	16	Tháng 6										Tháng 5									
		02	01	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15	14	13	12	11	08	07	06
1	Ngân hàng	48	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54	55	54	54	55	57	58	57	54
2	Dịch vụ tài chính	48	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46	44	44	43	44	44	47	52	43
3	Tài nguyên Cơ bản	45	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50	52	57	56	56	56	62	61	55
4	Du lịch và Giải trí	43	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42	47	50	51	50	51	59	59	57
5	Bảo hiểm	42	39	-	-	-	-	31	33	27	30	35	30	25	28	27	24	22	22	20	18
6	Thực phẩm và đồ uống	41	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48	48	49	49	52	52	55	55	53
7	Ô tô và phụ tùng	41	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31	31	31	32	33	39	45	48	45
8	Bất động sản	38	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55	55	53	54	54	56	63	65	63
9	Xây dựng và Vật liệu	38	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33	37	42	43	44	45	50	53	54
10	Hàng & Dịch vụ Cón...	36	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53	52	54	52	52	52	53	53	51
11	Điện, nước & xăng d...	35	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40	40	38	36	35	36	38	40	37
12	Bán lẻ	32	32	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31	37	38	37	39	43	51	46	44
13	Hóa chất	32	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53	50	51	50	49	48	52	55	52
14	Công nghệ Thông tin	28	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20	17	16	12	12	13	17	17	19
15	Dầu khí	26	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62	56	57	50	41	37	40	46	50
16	Hàng cá nhân & Gia ...	20	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25	26	28	28	29	34	40	38	33

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	25,100	0.8%	1.2%	128,930	1.3	7.9	3,167	829.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	113,400	10.0%	33.4%	102,036	5.9	8.1	14,074	57.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,800	1.3%	1.9%	21,998	1.2	5.0	3,181	22.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	174,900	1.7%	12.1%	19,416	7.9	26.9	6,543	41.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDC	51,100	-0.2%	6.3%	14,809	2.2	24.3	2,100	12.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	123,600	6.8%	7.3%	2,660	3.3	5.8	21,443	24.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MST	8,300	0.0%	10.7%	943	0.8	33.9	245	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNM	8,100	2.5%	8.0%	357	0.8	27.2	296	5.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPI	61,900	-1.6%	1.8%	19,811	3.8	71.6	865	85.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	68,500	1.0%	0.6%	9,282	2.2	14.0	4,885	22.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
AAN	22,400	-2.2%	9.0%	1,456	1.6	20.3	1,103	9.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	14,300	0.7%	2.9%	1,043	1.3	5.8	2,457	6.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SSB	14,400	1.4%	-0.5%	49,375	1.2	15.8	912	41.4	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HQC	2,740	6.6%	12.3%	1,717	0.3	22.8	120	35.1	Tích cực	6.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ITC	12,950	2.8%	5.7%	1,242	0.6	26.3	493	10.7	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	10,700	-6.1%	-8.5%	7,394	0.8	12.0	907	12.7	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	48,800	-1.6%	-6.2%	5,208	2.1	17.7	2,758	30.7	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPR	41,900	-0.2%	0.6%	3,641	1.4	11.1	3,777	18.1	Tích cực	5.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NAF	52,000	-1.3%	-0.6%	3,181	3.8	17.1	3,033	45.0	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	17,600	-0.6%	-1.1%	1,088	1.5	21.3	828	16.0	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KBC	29,850	-1.8%	-4.6%	28,111	1.1	17.4	1,714	38.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	127,700	0.5%	-1.9%	21,748	4.9	23.8	5,368	42.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	50,800	-1.6%	-1.9%	12,299	2.2	9.4	5,392	11.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	19,250	-3.0%	-6.6%	7,207	1.4	26.3	731	74.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	21,100	-2.3%	-5.0%	5,618	1.5	5.3	3,992	12.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	22,950	-2.3%	-7.8%	4,131	1.3	17.5	1,309	14.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,000	-0.2%	-1.0%	2,247	0.4	33.7	149	20.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,200	-2.8%	-5.1%	2,239	0.4	25.5	204	10.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	9,120	-0.7%	-1.0%	1,884	0.7	12.9	705	8.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	6,210	-3.4%	-19.4%	663	0.6	8.1	772	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,850	-2.0%	-4.0%	262,911	1.4	6.9	4,906	574.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,450	-1.9%	-4.2%	209,852	1.2	8.0	3,314	434.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HPG	23,700	-1.5%	-2.3%	200,099	1.4	9.5	2,499	608.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,650	-1.8%	-3.3%	198,556	1.4	7.2	3,442	318.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	24,900	-3.3%	-6.0%	124,631	1.6	7.0	3,546	371.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	58,600	-0.8%	-0.8%	122,471	3.7	11.9	4,914	174.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	77,900	-1.5%	-0.8%	114,390	3.2	14.0	5,552	232.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	40,300	-2.9%	-7.0%	111,788	2.5	18.3	2,202	87.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	73,200	-2.0%	-4.9%	105,841	2.9	22.4	3,268	252.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	32,200	-1.5%	-4.5%	78,404	2.6	18.0	1,791	79.8	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,300	-3.42%	-10.67%	25,500	125.7%	(143)	0.9	-79.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	45,700	1.90%	-4.59%	91,200	99.6%	6,911	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	22,950	1.32%	-1.50%	42,600	85.6%	1,077	1.4	21.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SZC	22,950	-2.34%	-7.83%	42,400	84.7%	1,309	1.3	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,050	-2.62%	-2.07%	45,800	75.8%	1,599	1.0	16.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
TV2	28,300	-1.74%	-5.35%	49,000	73.1%	1,971	1.4	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,500	-1.36%	-0.68%	23,100	59.3%	1,676	0.7	8.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	37,800	-2.07%	-1.82%	60,000	58.7%	3,781	1.3	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	42,100	-1.64%	-2.77%	66,800	58.7%	2,896	2.1	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,000	-1.71%	-2.13%	36,200	57.4%	1,798	1.3	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,800	2.61%	1.79%	116,600	55.9%	5,691	3.3	13.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,700	-1.46%	-2.27%	35,400	49.4%	2,499	1.4	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,500	-1.83%	-0.46%	31,900	48.4%	(99)	1.4	-218.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,850	-2.03%	-3.97%	50,000	47.7%	4,906	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,650	-1.79%	-3.33%	36,000	46.0%	3,442	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,450	-1.86%	-4.17%	38,000	43.7%	3,314	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDC	17,200	-2.27%	-5.75%	24,600	43.0%	3,419	1.2	5.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	21,550	-2.49%	-3.36%	30,800	42.9%	2,433	1.1	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	14,200	-6.89%	-8.68%	20,000	40.8%	1,512	0.7	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FRT	127,700	0.47%	-1.92%	178,800	40.0%	5,368	4.9	23.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn